



shāng tòng

伤痛

noun · pain; grief

Example Sentences

tā xīn lǐ de shāng tòng hěn nán yù hé
他心里的伤痛很难愈合。

The pain in his heart is hard to heal.

shí jiān kě yǐ jiǎn qīng shēn tǐ de shāng tòng
时间可以减轻身体的伤痛。

Time can reduce physical pain.

Trace each character, then write the word on your own.

伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤		
痛	痛	痛	痛	痛	痛	痛	痛	痛	痛	痛
痛	痛	痛	痛							